TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 104/2018/HS-ST
Ngày 16-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Mạnh Huấn**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lò Văn Hải** và ông **Lò Văn Thương**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Yên**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Nhữ Thị ThA Nhàn**, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Lò Văn P, sinh năm 1978, tại Điện Biên; Tên gọi khác: Không.
Nơi ĐKHKTT: Bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên
Chỗ ở hiện nay: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 5/12.
Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam
Con ông: Lò Văn V, sinh năm 1945; con bà Lò Thị P, sinh năm 1951.
Bị cáo chưa có vợ con.
Tiền án, tiền sự: Không.
Nhân thân: Bị cáo có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.
Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/11/2017, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 20/11/2017, Lò Văn P đang nằm ngủ ở lán của Công ty TNHH Q bản H, xã N, huyện Đ thì có một người phụ nữ đến giới thiệu với P tên là P khoảng 50 tuổi bị cáo không biết địa chỉ. Người phụ nữ đó bán cho P một gói Heroine với giá 1.000.000 đồng. Mua được Heroine, bị cáo đem vào lán dùng tay cấu chia làm 50 gói nhỏ đều gói bằng ni lông màu hồng rồi cho vào chiếc lọ nhựa màu đen có nắp đậy. Lò Văn P cất chiếc lọ đựng các gói Heroine vào trong túi quần bên phải đang mặc với mục đích để sử dụng dần và để bán lẻ cho người khác. Khoảng 06 giờ cùng ngày, khi P đang ở trong lán thì có Giàng Sái D, sinh năm 1972, địa chỉ bản H, xã N, huyện Đ đến bán chịu cho P 100 viên Methamphetamine với giá 4.000.000 đồng và hẹn sau 2 ngày bán hết số ma túy sẽ trả tiền cho D. Bị cáo chia số viên Methamphetamine của D thành các gói khác nhau rồi cho vào hai lọ nhựa màu đen rồi đút vào túi quần bên phải đang mặc.

Khoảng 07 giờ cùng ngày, bị cáo Lò Văn P lấy ra 02 viên Methamphetamine ra để sử dụng. Ngay lúc đó có Lò Văn A, sinh năm 1973, địa chỉ bản Y, xã S, huyện Đ vào hỏi mua 50.000 đồng Heroine của bị cáo. Mua được Heroine, A sử dụng chích ngay trước mặt P. Sau khi bán Heroine cho A xong bị cáo lại lấy ra 05 gói Heroine sử dụng bằng hình thức chích, khoảng 11 giờ cùng ngày bị cáo lại lấy ra 05 viên Methamphetamine ra sử dụng thì cũng cùng lúc đó Lò Văn A lại đến hỏi mua của bị cáo 50.000 đồng Heroine rồi lại sử dụng luôn trước mặt bị cáo. Khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, khi bị cáo Lò Văn P đang để 03 chiếc lọ màu đen chứa ma túy ở chân máy sấy nông sản của Công ty TNHH Q thì bị tổ công tác Công an huyện Đ vào kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang thu giữ vật chứng là Heroine, Methamphetamine và 150.000 đồng ở túi quần bên phải của bị cáo.

Cáo trạng số 62/CT-VKSĐB ngày 26/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Lò Văn P về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 194/BLHS năm 1999.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên phạt bị cáo Lò Văn P từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về xử lý vật chứng. Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, miễn án phí HSST cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 12 giờ 00 phút ngày 20/11/2017 bút lục 01 đến 05, người bị bắt Lò Văn P công nhận đã bị cơ quan Công an bắt quả tang thu giữ 23 gói mỗi gió chứa một viên nén màu hồng, 66 viên nén màu hồng, 04 viên nén màu xanh, 42 gói bằng ni lông màu hồng bên trong các gói chứa các cục bột màu trắng nghi là Heroine, ba tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng. Các gói chất bột màu trắng, các viên nén bị thu giữ là của bị cáo Lò Văn P, ba tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng là tiền của bị cáo do bị cáo bán Heroine mà có.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 17 giờ 30 phút ngày 20/11/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bút lục số 07, 08 thì tổng khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Lò Văn P là 1,35 gam Heroine, trích mẫu gửi giám định 0,1 gam; khối lượng 89 viên ma túy tổng hợp là 9,49 gam, trích mẫu gửi giám định 0,34 gam.

Kết luận giám định số 176/GĐ-PC54 ngày 26/12/2017 của P kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 33 thì mẫu chất bột màu trắng đục gửi giám định của Lò Văn P là Heroine. Mẫu viên nén màu hồng, màu xanh gửi giám định của Lò Văn P là Methamphetamine. Heroine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 20, dA mục I, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ; Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 67, danh mục II. Không hoàn lại mẫu vật sau giám định.

Các biên bản ghi lời khai, bản tự khai của Lò Văn A từ bút lục số 40 đến 47 Lò Văn A thừa nhận hai lần mua ma túy của Lò Văn P, mỗi lần Lò Văn A mua của bị cáo 50.000 đồng để sử dụng.

Các biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can, bản tự khai của Lò Văn P từ bút lục số 50 đến 77 chứng minh bị cáo Lò Văn P đã tàng trữ trái phép 1,35 gam Heroine và 9,49 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng và bán lẻ cho người nghiện. Bị cáo thừa nhận đã mua ma túy của một người phụ nữ tên P và của Giàng Sái D chia nhỏ để sử dụng và bán lẻ kiếm lời.

Quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục số 28/QĐ-UBND ngày 11/01/2005 của UBND tỉnh Điện Biên bút lục 80 chứng minh Lò Văn P đã bị UBND tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục về vi phạm pháp luật nhiều lần chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Quyết định về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục số 35/QĐ-UBND ngày 14/01/2008 của UBND tỉnh Điện Biên từ bút lục 79 chứng minh Lò Văn P đã bị UBND tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục lần thứ hai về hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục số 157/GCN-CSGD ngày 20/12/2006 của cơ sở giáo dục Thanh Hà bút lục số 78 chưng minh bị cáo đã chấp hành xong thời hạn đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

Giấy chứng nhận hộ nghèo số 288/UBND/GN mang tên chủ hộ Lò Văn V bút lục số 86 chứng minh gia đình bị cáo là hộ nghèo năm 2018.

Bằng khen ông Lò Văn V xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã có thành tích tham gia trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bút lục số 87 chứng minh bố bị cáo được UBND tỉnh Điện Biên tặng thưởng Bằng khen.

Sổ tạm trú tại bút lục 90A chứng minh bị cáo Lò Văn P tạm trú tại địa chỉ bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bản Kết luận điều tra số 50/KLĐT ngày 28/02/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ kết luận chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đưa bị can Lò Văn P ra truy tố công khai trước pháp luật về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Lò Văn P có tội, bị cáo đã mua Heroine và Methamphetamine tàng trữ mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại Điều 194/BLHS năm 1999 và hướng dẫn ở điểm a tiểu mục 3.3 mục 3 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007 ngày 24/12/2007 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lò Văn P có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội:

Khối lượng ma túy bị thu giữ của Lò Văn P là 1,35 gam Heroine và 9,49 gam Methamphetamine. Như vậy bị cáo đã mua bán hai chất ma túy và việc xác định tổng tỷ lệ phần trăm theo tinh thần hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 17 nêu trên như sau:

So sánh 1,35 gam Heroine với 5 gam Heroine tối thiểu ở khoản 2 của Điều 194/BLHS năm 1999 bằng 27%.

So sánh 9,49 gam Methamphetamine với 20 gam ma túy ở thể rắn tối thiểu ở khoản 2 của Điều 194/BLHS năm 1999 bằng 47,45%.

Tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của cả hai chất Heroine, Methamphetamine là 27% + 47,45% = 74,45% dưới 100%.

Tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của các chất ma túy mà bị cáo mua bán dưới 100% . Áp dụng cách tính % các chất ma túy theo Thông tư liên tịch số 17 thì trọng lượng ma túy thu giữ của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 của Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên bị cáo đã bán ma túy nhiều lần cho Lò Văn A là tình tiết định khung hình phạt theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 7 đến 15 năm tù.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo sinh ra và lớn lên ở xã S, huyện Đ. Là đối tượng nghiện chất ma túy nhiều năm, nhân thân của bị cáo rất xấu do đã hai lần bị cáo bị UBND tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nhưng bị cáo không sửa chữa được các lỗi lầm của bản thân. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng , quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cũng đã tự mình khai nhận ra các lần bị cáo bán ma túy cho Lò Văn A.

Nhận định trên đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cố gắng cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Cơ quan điều tra còn thu thập Bằng khen của ông Lò Văn V bố đẻ của bị cáo Lò Văn P. Tuy nhiên chứng cứ này không thuộc trường hợp để áp dụng cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 của Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Theo khoản 5 Điều 194/BLHS năm 1999 quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện bị cáo là gia đình thuộc hộ nghèo, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Lò Văn P.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với nguồn gốc số ma túy bị thu giữ bị cáo khai mua của một người phụ nữ tên Phỏng và mua của Giàng Sái D. Quá trình điều tra không có cơ sở để làm rõ đối tượng cũng như hành vi của Giàng Sái D. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng Lò Văn A, sinh năm 1973, địa chỉ bản Yên Cang 1, xã S, huyện Đ đã mua ma túy của Lò Văn P để sử dụng. Hành vi của A chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối tượng mua ma túy theo lời khai của bị cáo tên D không rõ lai lịch cũng không có cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vật chứng của vụ án là 1,35 gam Heroine, trích mẫu gửi giám định 0,1 gam; khối lượng 89 viên ma túy tổng hợp là 9,49 gam, trích mẫu gửi giám định 0,34 gam không hoàn lại mẫu vật. Vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vật chứng là ba tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Vật chứng này chứng minh trong đó có 100.000 đồng bị cáo bán ma túy cho Lò Văn A do vậy tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Số tiền 50.000 đồng do cơ quan điều tra không chứng minh được tiền bị cáo bán ma túy mà có do vậy trả lại cho bị cáo Lò Văn P.

Về án phí sơ thẩm: Gia đình bị cáo là hộ nghèo theo quy định của Chính phủ đồng thời bị cáo có đơn đề nghị miễn án phí do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa XIV; Điều 7; Điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lò Văn P** phạm tội **"Mua bán trái phép chất ma tuý".**

- Xử phạt bị cáo **Lò Văn P 07** (Bảy) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 20/11/2017.

- Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy 1,35 gam Heroine, trích mẫu gửi giám định 0,1 gam không hoàn lại mẫu vật; Tịch thu tiêu hủy 9,49 gam Methamphetamine, trích mẫu gửi giám định 0,34 gam không hoàn lại mẫu vật. Vật chứng được đựng trong phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 08 giờ 00 phút ngày 30/3/2018 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có tổng giá trị 100.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Lò Văn P 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng có giá trị 50.000 đồng. Các tờ tiền được đựng trong phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 08 giờ 00 phút ngày 30/3/2018 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

(Toàn bộ vật chứng đã được Công an huyện Đ bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ hồi 08 giờ 00 phút ngày 30/3/2018).

2. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 16/4/2018.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- P HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an HĐB;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Huấn